

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/11/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD5	7:25	7+15	0+0		5+17	0+0	chuyen 20kg td3-td5
2		RC5+RC6+RP1	7:25	9+5+8	0+0+0		6+7+9	0+0+0	
3		RP3+TD3	7:25	6+16	0+0		4+18	0+0	
4		VSP01+RP1+RCDM	9:25	4+10+7	0+0+0		2+13+7	0+0+0	
5		BK8+RC4+CTC1	9:25	10+12+0	0+0+0		0+11+8	0+0+0	
6		RP3+RP1+BK9	9:25	16+6+0	0+0+0		13+7+2	0+0+0	
7		CTK3+BK10+PPD	11:25	21+0+1	0+0+0		12+0+9	0+0+0	chuyen 1 bk10- ppd
8		PPD+VSP02+RP3	11:25	5+0+17	0+0+0		0+5+17	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/11/2020	TO: TD3 - TD5	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: QViệt - MTHAO - Năm	ETA: 09:10
xanh-1			

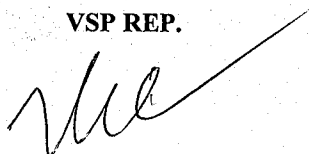
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG VĂN HÂN	TD3	58	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG HOÀ	TD3	59	1	5	80	70	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ VĂN KHOA	TD3	63	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN LÊ KIÊN	TD3	61	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ HÙNG ANH	TD3	68	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	BUI CÔNG SƠN	TD3	60	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HIỆU	TD5	37	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH TUÂN	TD5	38	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM TIẾN CHUNG	TD5	34	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TÂN TÀI	TD5	28	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	BAO NGUYỄN LỘC	TD5	29	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HOÀ	TD5	26	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN BA HOÀ	TD5	32	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH BÌNH	TD5	30	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN DUY ĐỨC	TD5	31	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ VŨ NGỌC	TD5	35	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	27	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
19	HA THANH TUNG	TD5	33	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD5	39	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ LONG	TD5	40	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
22	SUSTAVOV	TD5	36	1	10		100	DHANH	Russian

FLIGHT PLAN

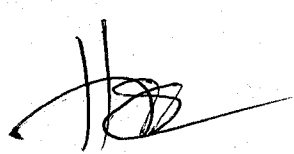
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	7	6	30	492	80	5		CHUYỂN 20 KG HÀNG TỤ TD3 SANG TD5
2	TD5	15	15	90	1.116	0	17		
TOTAL		22	21	120	1.608	80	22		
WEIGHT KG				120	1.608	80			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

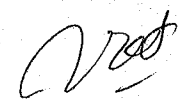
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: RC5 - RC6 - RP1	CREW: Phong - NPhú - MQUÂN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GUSEINOV	RC5	75	1	6	40	88	KH-THAC	Russian
2	BUI QUỐC VIỆT	RC5	68	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ CÔNG AN	RC5	73	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN CỤC	RC5	69	1	14		83	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ QUỐC HUY	RC5	74	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN TRUNG	RC5	70-71	2	13		85	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	RC5	72	1	16		73	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HUÂN	RC5	67	1	5		67	PSV	Vietnamese
9	TRẦN MINH THI	RC6	75	1	6	30	121	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ĐỨC THIÊN	RC6	74	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN TRƯỜNG	RC6	71-72	2	20		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	70	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
13	KIỀU MINH QUYẾT	RC6	75	1	5		65	PSV	Vietnamese
14	TSOPANOV	RP1	36-37	2	22	20	96	KH-THAC	Russian
15	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	RP1	40-41	2	17		60	YTE	Vietnamese
16	KOROQLUEV RAMIL	RP1	39	1	5		71	KH-THAC	Russian
17	NGUYỄN VIỆT THANH	RP1					74	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUANG TUNG	RP1					74	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM NGỌC PHONG	RP1	34	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
20	NIKITIN	RP1	38	1	18		92	KH-THAC	Russian
21	VŨ ĐÌNH HOÀN	RP1	35	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HO THIEN TAM	RP1	42	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	8	9	74	614	40	6		
2	RC6	5	6	43	405	30	7		
3	RP1	9	9	82	683	20	9		
TOTAL		22	24	199	1.702	90	22		
WEIGHT KG				199	1.702	90			

GRAND TOAL: 1.991 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: RP3 - TD3	CREW: Cương - TĐông - TDUNG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ANH SON	RP3	92	1	4	110	70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN SON	RP3	93	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANHTRUNG	RP3	95	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM QUANG TRUNG	RP3					74	KH-THAC	Vietnamese
5	VO TAN CHAU	RP3	94	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH DUONG	RP3					65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HUY THAI	TD3					71	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HUNG	TD3	13	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN THANG LOI	TD3	11	1	3		59	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN THUONG VU	TD3	12	1	12		88	KHOAN	Vietnamese
11	TRINH DUY SON	TD3	15	1	12	35	84	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG VAN THUONG	TD3	14	1	9		71	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM VAN BINH	TD3	19	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
14	QUACH DACTHAN	TD3	21	1	5		53	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN PHU QUANG	TD3	17	1	4		64	PSV	Vietnamese
16	VU DAI DINH	TD3	16	1	9		65	PSV	Vietnamese
17	LE THANH CHAU	TD3	20	1	5		71	PSV	Vietnamese
18	HOANG VAN THANG	TD3	18	1	5		51	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN MANH TIEN	TD3	22	1	5		55	PSV	Vietnamese
20	DO XUAN CHINH	TD3	24	1	10		65	PSV	Vietnamese
21	PHAM VAN DUAN	TD3					75	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN HANH	TD3	23	1	5		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	6	4	22	422	110	4		
2	TD3	16	14	99	1.100	35	18		
TOTAL		22	18	121	1.522	145	22		
WEIGHT KG				121	1.522	145			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/11/2020	TO: VSP01 - RP1 - RCDM	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: QViệt - MTHAO - Năm	ETA: 11:10
CAM-2			

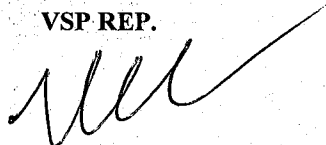
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN QUI	VSP01	53-54	2	15		64	TRƯỜNG V	Vietnamese
2	CHAU THANH TUAN	VSP01	99,500	2	12	73	55	TRƯỜNG V	Vietnamese
3	NGUYEN VAN CHAU	VSP01	55-56	2	12		60	TRƯỜNG V	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TAM	RP1	54	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN MINH HIEU	RP1					65	KH-THAC	Vietnamese
6	TAO QUANG NGAN	RP1	44-45	2	17		62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN PHI KHAI HOAN	RP1	52	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NAM SINH	RP1	49	1	5	7	60	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN CONG TOAN	RP1	55	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRUONG GIANG	RP1	56	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN KHAC HONG	RP1	46	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG DINH BA	RP1	50	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM VAN THUY	RP1	47	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	LE MANH HUNG	RP1	48	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH CONG	RP1	53	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN DUY HUNG	RCDM	72-73	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN THE VU	RCDM	70	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG TI	RCDM	71	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐANG MINH DUNG	RCDM	96	1	5	20	74	KH-THAC	Vietnamese
20	CAO QUANG HUNG	RCDM	96	1	10	30	100	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN HOANG PHUC	RCDM	98	1	5		90	CODIEN	Vietnamese
22	HO TRON BANG	RCDM	97	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	3	6	39	179	73	2		
2	RP1	12	12	79	861	7	13		
3	RCDM	7	8	52	539	50	7		
TOTAL		22	26	170	1.579	130	22		
WEIGHT KG				170	1.579	130			

GRAND TOAL: 1.879 KGS

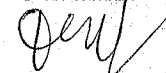
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	TO: BK8 - RC4 - CTC1	CREW: Phong - NPhú - MQUÂN	ETA: 11:15
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH NGỌC HÙNG	BK8	49	1	8		64	XAYLAP	Vietnamese
2	VÕ VĂN SƠN	BK8	83-84	2	18		55	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN TIẾN DŨNG	BK8	84	1	7		65	XAYLAP	Vietnamese
4	LƯU CÔNG ĐÌNH	BK8	48	1	6		63	XAYLAP	Vietnamese
5	HÀ TUẤN DŨNG	BK8	87-88	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ QUANG TRƯỞNG	BK8	81-82	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU THỊNH	BK8	99,400	2	22		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGÔ ĐỨC THUẬN	BK8	85	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐẠO VĂN KHÔI	BK8	585-586	2	22		55	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN LỘC	BK8	46-47	2	18		58	XAYLAP	Russian
11	PHAN DINH HOC	BK8	98	1	6		71	PSV	Vietnamese
12	IUSUPOV	RC4	99,300	2	21	30	73	KH-THAC	Russian
13	NGUYỄN TRỌNG MINH	RC4	35	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN TÙNG	RC4	36	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH VĂN CÔNG	RC4	41	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	CHU TIẾN BÌNH	RC4	37-39	3	18		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ ĐỨC HAI	RC4	700	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ĐỨC HIỀN	RC4	53-55	3	22		60	T-TIN	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT TU	RC4	96-98	3	18		67	T-TIN	Vietnamese
20	MAI VĂN TUÔNG	RC4	40	1	3		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

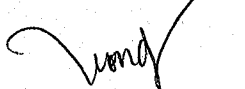
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	11	17	157	706	0	0		
2	RC4	9	16	104	637	30	11		
3	CTC1	0	0	0	0	30	8		
TOTAL		20	33	261	1.343	60	19		
WEIGHT KG				261	1.343	60			

GRAND TOAL: 1.664 KGS

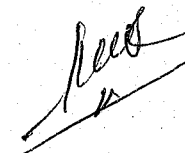
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	TO: RP3 - RP1 - BK9	CREW: Cương - TĐông - TDUNG	ETA: 11:20
VANG-2			

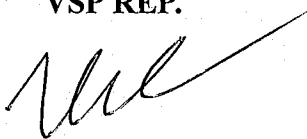
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAI DUC BAY	RP3	19	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN HOA	RP3	300	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
3	IAKIMIDI	RP3	96	1	10		95	KH-THAC	Russian
4	PHAM MINH TOAN	RP3	97-98	2	16		56	YTE	Vietnamese
5	LUONG QUANG THUONG	RP3	08	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG XUAN HUNG	RP3					68	KH-THAC	Vietnamese
7	TRUONG VAN THUONG	RP3	11	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG HAI	RP3	09	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN PHUOC LOC	RP3	10	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN QUAN	RP3	13	1	10	19	71	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HOANG	RP3	12	1	9		72	CODIEN	Vietnamese
12	DUONG MINH KHANH	RP3	07	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TIEN	RP3	14	1	5	17	68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN CONG	RP3	99	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VAN HIEN	RP3	15-17	3	10		52	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM VAN ANH	RP3	20	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	VU QUANG HUNG	RP3	18	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG THE ANH	RP1				15	74	KH-THAC	Vietnamese
19	LE DINH THANG	RP1	75	1	8	60	70	KH-THAC	Vietnamese
20	LE HUNG CUONG	RP1	73	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN BA QUY	RP1	76	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN QUANG LOC	RP1	74	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

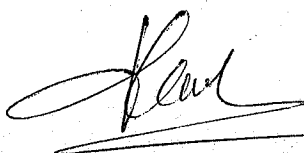
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	17	19	110	1.158	36	13		
2	RP1	5	4	25	370	75	7		
3	BK9	0	0	0	0	20	2		
TOTAL		22	23	135	1.528	131	22		
WEIGHT KG				135	1.528	131			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

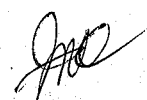
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	TO: CTK3 - BK10 - PPD	CREW: Hồi - KHOÀN - Huy	ETA: 13:10
XANH-3			

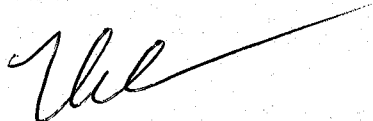
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRI TIN	CTK3	66	1	5		85	SAN BAY	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG CHUONG	CTK3	52	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔ TRONG TUAN	CTK3	41	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TU ANH	CTK3	43	1	12		62	CODIEN	Vietnamese
5	ĐINH MAI THIÊN	CTK3	48	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
6	PHI DUY HOAN	CTK3	64	1	8		72	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN TRUNG PHONG	CTK3	44	1	10		67	CODIEN	Vietnamese
8	ĐOÀN TUÂN DƯƠNG	CTK3	39	1	5		68	CODIEN	Vietnamese
9	CAO NGOC TRONG	CTK3	42	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYEN KHAC TUAT	CTK3	51	1	7		68	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM MẠNH HAI	CTK3	45	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐO MẠNH HUNG	CTK3	46-47	2	13		58	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM NGOC TUAN ANH	CTK3	49	1	10	13	75	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN ĐÌNH CHUÔNG	CTK3	65	1	5	55	66	TRƯỜNG	Vietnamese
15	LÊ HỮU HOA	CTK3	57-58	2	15		63	TRƯỜNG	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN TUNG	CTK3	53	1	13	13	62	TRƯỜNG	Vietnamese
17	PHAN THANH BINH	CTK3	62	1	10		65	TRƯỜNG	Vietnamese
18	LÊ THANH SON	CTK3	55-56	2	13	20	60	TRƯỜNG	Vietnamese
19	ĐO ĐÌNH TRƯỞNG	CTK3	60-61	2	17		57	TRƯỜNG	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC KHÁNH	CTK3	63	1	8		57	TRƯỜNG	Vietnamese
21	TRƯỜNG VĂN HUÂN	CTK3	59	1	14		60	TRƯỜNG	Vietnamese
22	TRUONG HUY TRONG	PPD	24-25	2	11		68	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

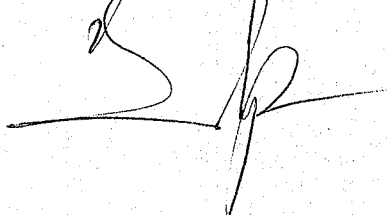
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	21	25	206	1.394	101	13		CHUYEN 1 PAX BK10 SANG PPD
2	BK10	0	0	0	0	0	0 + 1		
3	PPD	1	2	11	68	0	9		
TOTAL		22	27	217	1.462	101	22		
WEIGHT KG				217	1.462	101			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 8	TO: PPD - VSP02 - RP3	CREW: Phong - Mạnh - QTrương	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ VĂN QUANG	PPD	92	1	10		65	DUY LINH	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TỰ	PPD	91	1	11		63	DUY LINH	Vietnamese
3	LÊ VĂN TÀI	PPD	87	1	11	50	90	DUY LINH	Vietnamese
4	LÊ VĂN THAY	PPD	88-89	2	13		71	DUY LINH	Vietnamese
5	TRẦN DUY PHƯƠNG	PPD	90	1	8		78	DUY LINH	Vietnamese
6	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	33	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP3	31	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TỬ HAI	RP3	37	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG VŨ	RP3					60	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ĐỨC HUY	RP3	27	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
11	LUƠNG VĂN LƯƠNG	RP3	41-42	2	8		95	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM XUÂN HOANG	RP3	38-40	3	20		84	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN KHIÊM HIỆU	RP3	28	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRUNG HIỆU	RP3	29	1	14		78	CODIEN	Vietnamese
15	VŨ QUANG TUẤN	RP3	26	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC PHƯỢNG	RP3	25	1	10	35	63	CODIEN	Vietnamese
17	PHẠM ĐÌNH TUẤN	RP3	32	1	7	20	55	KHI	Vietnamese
18	VŨ XUÂN CHÍNH	RP3	24	1	14		64	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH KHOAN	RP3	34	1	10		70	NIPI	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HIỆU	RP3	35-36	2	20		78	NIPI	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC CHI	RP3	30	1	6		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	5	6	53	367	50	0		
2	VSP02	0	0	0	0	35	5		
3	RP3	16	19	141	1.102	55	17		
TOTAL		21	25	194	1.469	140	22		
WEIGHT KG				194	1.469	140			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN